

## *Phần thứ nhất*

### **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Chương trình toán của tiểu học có vị trí và tầm quan trọng rất lớn. Toán học góp phần quan trọng trong việc đặt nền móng cho việc hình thành và phát triển nhân cách học sinh. Trên cơ sở cung cấp những tri thức khoa học ban đầu về số học, các số tự nhiên, các số thập phân, các đại lượng cơ bản, giải toán có lời văn ứng dụng thiết thực trong đời sống và một số yếu tố hình học đơn giản.

Môn toán ở tiểu học bước đầu hình thành và phát triển năng lực trừu tượng hóa, khái quát hóa, kích thích trí tưởng tượng, gây hứng thú học tập toán, phát triển hợp lý khả năng suy luận và biết diễn đạt đúng bằng lời, bằng viết, các suy luận đơn giản, góp phần rèn luyện phương pháp học tập và làm việc khoa học, linh hoạt sáng tạo.

Mục tiêu nói trên được thông qua việc dạy học các môn học, đặc biệt là môn toán. Môn này có tầm quan trọng vì toán học với tư cách là một bộ phận khoa học nghiên cứu hệ thống kiến thức cơ bản và sự nhận thức cần thiết trong đời sống sinh hoạt và lao động của con người. Môn toán là "chìa khóa" mở cửa cho tất cả các ngành khoa học khác, nó là công cụ cần thiết của người lao động trong thời đại mới. Vì vậy, môn toán là bộ môn không thể thiếu được trong nhà trường, nó giúp con người phát triển toàn diện, nó góp phần giáo dục tình cảm, trách nhiệm, niềm tin và sự phồn vinh của quê hương đất nước.

Trong dạy - học toán ở tiểu học, việc giải toán có lời văn chiếm một vị trí quan trọng. Có thể coi việc dạy - học và giải toán là "hòn đất thử vàng" của dạy - học toán. Trong giải toán, học sinh phải tư duy một cách tích cực

và linh hoạt, huy động tích cực các kiến thức và khả năng đã có vào tình huống khác nhau, trong nhiều trường hợp phải biết phát hiện những dữ kiện hay điều kiện chưa được nêu ra một cách tường minh và t.....

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐÀ  
TRƯỜNG TIỂU HỌC CÁT LINH  
-----

# SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

*Tổ chức trò chơi học tập trong giờ dạy Đạo đức lớp 1*

Môn : Đạo đức  
Họ và tên : Bùi Thị Kim Huyền  
Giáo viên cơ bản

Năm học : 2010 – 2011

## MỤC LỤC

|  |          |
|--|----------|
| <b>A.ĐẶT VẤN ĐỀ</b> .....  | Trang 2  |
| <b>B.NỘI DUNG</b> .....  | Trang 4  |
| 1.Cơ sở lí luận.....   | Trang 4  |
| 2.Cơ sở thực tiễn.....   | Trang 5  |
| 3.Quá trình nghiên cứu.....  | Trang 6  |
| <b>C.GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ</b> .....                                     | Trang 7  |
| I.Nh÷ng néi dung Ò cÛp trong s,ng kiÖn kinh nghiÖm.....              | Trang 7  |
| II.BiÖn ph,ph thüc hiÖn.....   | Trang 7  |
| 1) Kh¾c ph¾c khã kh'n vÒ c¬ sÖ vÛt chÊt, trang thiÖt bÞ d'ÿ h¾c..... | Trang 7  |
| 2)Gi¶i ph,ph kh¾c ph¾c nh÷ng vÍng m¾c tÕ phÝa h¾c sinh.....          | Trang 8  |
| 3)Gi¶i ph,ph kh¾c ph¾c nh÷ng vÍng m¾c tÕ phÝa gi,o viªn.....         | Trang 9  |
| <b>D – KẾT LUẬN</b> .....  | Trang 18 |
| 1) Bù h¾c kinh nghiÖm.....   | Trang 18 |
| 2) Nh÷ng vÊn Ò cßn t¶n t'i.....                                      | Trang 19 |
| 3) §Ò xuÊt kiÖn nghì.....  | Trang 19 |

**A. T V N :**

Sù nghiÖp c«ng nghiÖp hãa, hiÖn ®i hãa ®Êt níc vµ sù th, ch thøc tríc nguy c¬ tt hËu trong c¹nh tranh trÝ tuÖ ®ang ®æi hái ph¶i ®æi mí gi, o dc, trong ®ã cã sù ®æi mí c¬ b¶n vÒ ph-ng ph, p d' y hãc. Nh-ng ph-ng ph, p d' y hãc kÝch thÝch sù t×m ti, ®æi hái sù t duy ca hãc sinh ®ic ®Æc biÖt chó ý. Mc ti'u gi, o dc ca §¶ng ®· chØ r: **"... Ðào tạo có chất lượng tốt những người lao động mới có ý thức và đạo đức xã hội chủ nghĩa, có trình độ văn hoá phổ thông và hiểu biết kỹ thuật, có kỹ năng lao động cần thiết, có óc thẩm mĩ, sức khoẻ tốt..."**

Héi nghP BCH Tì kho, VIII lÇn thø 2 ®· chØ r: **" Ðổi mới mạnh mẽ phong pháp giáo dục và đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện t duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng phong pháp tiên tiến, phong pháp hiện đại vào quá trình dạy học"**. Trong luËt Gi, o dc, Kho¶n 2, ®iÒu 24 ®· ghi: **" Phong pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động sáng tạo của học sinh; phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phong pháp tự học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh"**. §æi mí c, ch thùc hiÖn PPDH lµ vËn ®Ò then chèt ca chÝnh s, ch ®æi mí gi, o dc ViÖt Nam trong giai ®o¹n hiÖn nay. §æi mí c, ch thùc hiÖn PPDH sã lµm thay ®æi tËn gèc np nghÛ, np lµm ca c, c th h hãc tr - nh-ng chñ nhn t-ng lai ca ®Êt níc. Nh vËy, ®æi mí PPDH sã t, c ®éng vµo mi thµnh tè ca qu, tr×nh gi, o dc vµ ®µo t' o. N t' o ra sù hiÖn ®i ho, ca qu, tr×nh nµy. §æi mí PPDH thùc chÊt kh«ng ph¶i lµ sù thay th c, c PPDH c b»ng mét lo¹t c, c PPDH mí. VÒ mÆt b¶n chÊt, ®æi mí PPDH lµ ®æi mí c, ch tiÖn hµnh c, c ph-ng ph, p, ®æi mí ph-ng tiÖn vµ h×nh thøc triÖn khai ph-ng ph, p trn c¬ s khai th, c triÖt ®Ó u ®iÓm c, c ph-ng ph, p c vµ vËn ®ng linh ho¹t mét s ph-ng ph, p mí nh»m ph, t huy ti ®a tÝnh tÝch cùc, chñ ®éng, s, ng t' o ca hãc sinh. Mc ®Ých ca ®æi mí PPDHchÝnh lµ lµm th nµo ®Ó HS ph¶i thùc sù tÝch cùc, chñ ®éng, t gi, c vµ s, ng t' o trong qu, tr×nh lÛnh héi tri thøc vµ lÛnh héi c¶ c, ch thøc ®Ó c ®ic nh-ng tri thøc Êy nh»m ph, t triÖn vµ hoµn thiÖn nhn c, ch ca m×nh.

Gi, o dc t' o ®øc lµ mét mÆt gi, o dc mµ x· héi cÇn ph¶i quan tm. Trong c«ng cuéc ®æi mí hiÖn nay khi yu tè con ngi ®ic ®Æc biÖt coi trng th× tim n'ng trÝ tuÖ cng víi sc m¹nh tinh thÇn vµ t' o ®øc ca con ngi cng ®ic ®Ò cao vµ ph, t

huy m<sup>1</sup>nh m<sup>1</sup> trong m<sup>1</sup>i I<sup>1</sup>nh v<sup>1</sup>c x<sup>1</sup> h<sup>1</sup>ei. Vi<sup>1</sup>Öc n<sup>1</sup>ng cao ch<sup>1</sup>Êt l<sup>1</sup>ng hi<sup>1</sup>Öu qu<sup>1</sup> c<sup>1</sup>ña gi<sup>1</sup>e d<sup>1</sup>y m<sup>1</sup>«n h<sup>1</sup>c ®<sup>1</sup>o ®<sup>1</sup>øc ẽ Ti<sup>1</sup>Öu h<sup>1</sup>c l<sup>1</sup>u tr<sup>1</sup>,ch nhi<sup>1</sup>Öm v<sup>1</sup>u l<sup>1</sup>u vi<sup>1</sup>Öc l<sup>1</sup>um v<sup>1</sup>« c<sup>1</sup>ng c<sup>1</sup>Çn thi<sup>1</sup>Öt c<sup>1</sup>ña m<sup>1</sup>çi gi<sup>1</sup>,o vi<sup>1</sup>ªn. V<sup>1</sup>i ®<sup>1</sup>Æc ®<sup>1</sup>iÖm t<sup>1</sup>©m sinh lý h<sup>1</sup>c sinh Ti<sup>1</sup>Öu h<sup>1</sup>c th<sup>1</sup>× gi<sup>1</sup>,o d<sup>1</sup>øc ®<sup>1</sup>o ®<sup>1</sup>øc cho tr<sup>1</sup>í kh<sup>1</sup>«ng th<sup>1</sup>Ö n<sup>1</sup>u l<sup>1</sup>u thuy<sup>1</sup>Öt gi<sup>1</sup>¶ng hay, nh<sup>1</sup>ãi nh<sup>1</sup>Đt c<sup>1</sup>,c b<sup>1</sup>ui h<sup>1</sup>c ®<sup>1</sup>o ®<sup>1</sup>øc m<sup>1</sup>u c<sup>1</sup>Çn ph<sup>1</sup>¶i c<sup>1</sup>ã s<sup>1</sup>ù ph<sup>1</sup>ei h<sup>1</sup>ip nhi<sup>1</sup>Öu ph<sup>1</sup>¬ng ph<sup>1</sup>,p. M<sup>1</sup>et trong nh<sup>1</sup>÷ng ph<sup>1</sup>¬ng ph<sup>1</sup>,p ®<sup>1</sup>t hi<sup>1</sup>Öu qu<sup>1</sup> c<sup>1</sup>ao trong ti<sup>1</sup>Öt h<sup>1</sup>c ®<sup>1</sup>o ®<sup>1</sup>øc l<sup>1</sup>u ph<sup>1</sup>¬ng ph<sup>1</sup>,p t<sup>1</sup>æ ch<sup>1</sup>øc tr<sup>1</sup>ß ch<sup>1</sup>-i cho h<sup>1</sup>c sinh.

## B.PH N N I DUNG

### *I - C<sup>1</sup>¬ s<sup>1</sup>e lý lu<sup>1</sup>Ûn*

Tr<sup>1</sup>ß ch<sup>1</sup>-i l<sup>1</sup>u ho<sup>1</sup>t ®<sup>1</sup>éng r<sup>1</sup>Êt quen th<sup>1</sup>uéc g<sup>1</sup>Çn g<sup>1</sup>oi v<sup>1</sup>i con ng<sup>1</sup>ei. C<sup>1</sup>ng nh<sup>1</sup> lao ®<sup>1</sup>éng, h<sup>1</sup>c t<sup>1</sup>Ûp, tr<sup>1</sup>ß ch<sup>1</sup>-i l<sup>1</sup>u m<sup>1</sup>et lo<sup>1</sup>i h<sup>1</sup>×nh ho<sup>1</sup>t ®<sup>1</sup>éng s<sup>1</sup>eng c<sup>1</sup>ña con ng<sup>1</sup>ei. Tr<sup>1</sup>ß ch<sup>1</sup>-i v<sup>1</sup>õa mang t<sup>1</sup>Ýnh ch<sup>1</sup>Êt vui ch<sup>1</sup>-i, gi<sup>1</sup>¶i tr<sup>1</sup>Ý song ®<sup>1</sup>ång th<sup>1</sup>ei l<sup>1</sup>i c<sup>1</sup>ã ý ngh<sup>1</sup>Ûa gi<sup>1</sup>,o ð<sup>1</sup>ing v<sup>1</sup>u gi<sup>1</sup>,o d<sup>1</sup>øc l<sup>1</sup>ín lao. Tr<sup>1</sup>ß ch<sup>1</sup>-i c<sup>1</sup>ã ý ngh<sup>1</sup>Ûa ®<sup>1</sup>Æc bi<sup>1</sup>Öt ®<sup>1</sup>ei v<sup>1</sup>i l<sup>1</sup>øa tu<sup>1</sup>æi tr<sup>1</sup>í em. Tr<sup>1</sup>ß ch<sup>1</sup>-i t<sup>1</sup>o t<sup>1</sup>Êt c<sup>1</sup>¶ nh<sup>1</sup>÷ng ®<sup>1</sup>iÖu ki<sup>1</sup>Ön ®<sup>1</sup>Ó tr<sup>1</sup>í em th<sup>1</sup>Ö hi<sup>1</sup>Ön nhu<sup>1</sup> c<sup>1</sup>Çu t<sup>1</sup>u nhi<sup>1</sup>ªn v<sup>1</sup>Ò ho<sup>1</sup>t ®<sup>1</sup>éng, t<sup>1</sup>o ra ẽ tr<sup>1</sup>í em nh<sup>1</sup>÷ng rung ®<sup>1</sup>éng th<sup>1</sup>uc t<sup>1</sup>Ö v<sup>1</sup>u quan tr<sup>1</sup>ng cho cu<sup>1</sup>éc s<sup>1</sup>eng. Trong khi ch<sup>1</sup>-i, tr<sup>1</sup>í em ph<sup>1</sup>¶n ,nh hi<sup>1</sup>Ön th<sup>1</sup>uc xung quanh,

®àng thêi thÓ hiÖn th,i ®é nhËt ®Pnh ®èi víi m«i trêng . §èi víi trÍ em, ch-i cũa nghÛa lư ho't ®éng, lư kh-i dËy trong m×nh nh÷ng c¶m gi,c vư íc m¬, cè g¾ng ®Ó thùc hiÖn nh÷ng íc m¬ ®ã, lư c¶m gi,c, tri gi,c vư ph¶n ,nh mét c, ch s,ng t'ò thÕ giú vưo trong t-êng tưng cũa m×nh. §óng nh AM- Go- r¬ - ki ®· nhËn xĐt "**Trß ch-i lư con ®êng ®Ó trÍ em nhËn thøc thÕ giú, lư n-i chóng ®ang sèng vư lư c,i chóng nhËn thËy cÇn ph¶i thay ®æi "**

Cùng víi hãc, ch-i lư nhu cÇu kh«ng thÓ thiÖu cũa hãc sinh TiÓu hãc, di kh«ng cũn lư ho't ®éng cũ ®'ò song vui ch-i vËn gi÷ mét vai trß rËt quan trãng trong ho't ®éng sèng cũa trÍ, vËn cũa mét ý nghÛa lín lao víi trÍ. Lý luËn vư thùc tiÔn ®· chøng tá r»ng: NÕu biÖt tæ chøc cho trÍ vui ch-i mét c, ch híp lý, ®óng ®¾n th× ®Òu mang l'i hiÖu qu¶ gi,ò dộc. Qua trß ch-i c,c em kh«ng nh÷ng ®íc ph,t triÓn vÒ mÆt trÝ tuÖ, thÓ chËt, thËm mü mư cũn h×nh thụn nhìu phÈm chËt vư hụn vi ®'ò ®øc. ChÝnh v× vËy tæ chøc trß ch-i ®íc sò dõng nh lư mét ph-ng ph,p quan trãng ®Ó gi,ò dộc hụn vi ®'ò ®øc cho hãc sinh.

\* Ho't ®éng trß ch-i thóc ®Ëy trÍ em:

- NhËn thøc hiÖn thùc.

- H×nh thụn nh÷ng nhËn thøc nhËt ®Pnh vÒ hụn vi - TiÖp nhËn nh÷ng quy t¾c vư quy luËt cũa sinh ho't x· héi.

- H×nh thụn n'ng lúc quan s,t vư ®,nh gi, cũa ph<sup>a</sup> ph,n nh÷ng cõ chØ cũa ngêi kh,c cõng nh ®Æt nÒn mãng cho nh÷ng niÒm tin vư thãi quen ®'ò ®øc cũng víi c,c d'ng bưi hãc ®'ò ®øc trong ch-ng tr×nh gi,ò dộc tiÓu hãc múi ẽ líp 1 th× viÖc tæ chøc trß ch-i trong c,c giê hãc sĩ cũ t,c dõng to lín trong viÖc gióp hãc sinh h×nh thụn c,c chuÈn mùc ®'ò ®øc cõng nh rìn luyÖn kü n'ng thÓ hiÖn hụn vi ®'ò ®øc cho c,c em.

## **II - C¬ sã thùc tiÔn**

D'ý hãc lư mét nghÒ s,ng t'ò, nhËt lư trong m«n hãc §'ò ®øc, m«n hãc cung cËp cho hãc sinh nh÷ng chuÈn mùc vÒ ®'ò ®øc. M«n hãc cũ t,c dõng to lín trong viÖc h×nh

thụnh nh©n c, ch cho hác sinh. Trong giê hác gi, o viªn chñ yÕu thuyÕt tr×nh, gi¶ng gi¶i. H×nh thøc tæ chøc d¹y hác trong c, c ho¹t ®éng cñn ®-n ®iÕu. Sau giê hác, hác sinh kh«ng biÕt vËn ®ông kiÕn thøc ®· hác vµo thùc tÕ. Ch½ng h¹n hác sinh vĩa ®íc hác búi gi÷ trËt tù vÕ sinh n-ì c«ng céng song l¹i rÊt ản µo, mÊt trËt tù, nhiÒu hác sinh lụm viÖc riªng trong giê hác hay lụ cñn vøt r, c bãa b-ì trong s©n trêng. Hác sinh vĩa ®íc hác búi lÔ phÐp v©ng lêi thÇy c« gi, o nhng ra khái líp chØ chµo hái c« gi, o d¹y m×nh. HoÆc lụ hác sinh kh«ng biÕt c¶m -n, xin lçi khi ®íc gióp ®ì hay lụm ®iÕu g× kh«ng ph¶i víi b¹n bÌ, thÇy c«, ngêi xung quanh v.v..Réng h-n n÷a, ngoµi x· héi hiÕn nay, mét bé phËn thanh thiÕu niªn ®ang cũ nhiÒu biÓu hiÕn xuèng cÊp vÒ ®¹o ®øc, tÕ n¹n ²n c³⁄p, cê b¹c, nghiÕn hót v.v....nguy mét nhiÒu. §©u ®ã vËn cñn hiÕn tûng hác sinh ®, nh thÇy c« gi, o. §©y còng lụ ®iÕu mụ nh÷ng ngêi lụm c«ng t, c gi, o dúc ph¶i suy nghÛ.

Tõ n¹m hác 2002 – 2003 Bé GD - §T ®· triÕn khai ch÷ng tr×nh GDTH múi tr¹n ph¹m vi c¶i níc. Song song víi viÖc c¶i tiÕn néi dung ch÷ng tr×nh th× viÖc ®æi múi ph÷ng ph, p d¹y hác ®· vµ ®ang ®íc c, c cÊp c, c ngunh quan t©m. Trong nh÷ng n¹m gÇn ®©y ®· cũ nhiÒu ®ít hác tËp, sinh ho¹t chuyªn m«n, héi th¶o, Héi gi¶ngcÊp trêng, chuyªn ®Ò cÊp QuËn, cÊp Thụnh phè ®Ó gi, o viªn cûng víi trao ®æi vÒ ®æi múi ph÷ng ph, p d¹y hác. Mét trong nh÷ng ph÷ng ph, p tæ chøc d¹y hác theo xu híng múi lụ ph÷ng ph, p tæ chøc trß ch-ì hác tËp. Kh«ng ai cũ thÓ phñ nhËn ®íc mÆt tÝch cùc mụ viÖc tæ chøc trß ch-ì hác tËp mang l¹i. Tuy nhiªn thùc tr¹ng cũa viÖc tæ chøc trß ch-ì vµo trong nh÷ng tiÕt d¹y ®¹o ®øc cñn nhiÒu h¹n chÕ. NhiÒu gi, o viªn kh«ng thËy hÕt ®íc t, c ®ông cũa ph÷ng ph, p tæ chøc trß ch-ì cũn xem nhñ vµ rÊt ng¹i sô ®ông ph÷ng ph, p nuy. ẽ nh÷ng tiÕt hác ®íc thanh tra, hay héi gi¶ng th× tæ chøc mang nÆng tÝnh h×nh thøc. Gi, o viªn hÕt sọc lóng tóng kh«ng biÕt tæ chøc vµo lóc nµo, c, ch thøc tæ chøc ra sao. Hác sinh ngîng ngîng, bì ngì kh«ng nghiªm túc khi thÓ hiÕn n¹n dËn ®Õn sau trß ch-ì kh«ng mang l¹i hiÕu qu¶ gi, o dúc cao. TÊt c¶ nh÷ng ®iÕu tr¹n do ®©u? T«i nghÛ thø nhËt do ®iÕu kiÕn c-ì sê vËt chËt trêng líp, bụn ghÕ, trang thiÕt bÐ phóc vô cho gi¶ng d¹y cũn thiÕu thèn. mét sê giê hác gi, o viªn muèn tæ chøc trß ch-ì th× kh«ng cũ ®iÕu kiÕn. Thø hai lụ do ®é nhiÖt t×nh, ý thøc tr, ch nhiÖm còng nh nhËn thøc râ rùng lụ cÇn ph¶i thùc sù ®æi múi ph÷ng ph, p gi¶ng d¹y cha cao . Nguyªn nh©n thø ba lụ vÒ phÝa hác sinh, c, c em cũn rôt rÌ, ngîng ngîng kh«ng tù tin trong giao tiÕp.



B<sup>a</sup>n c<sup>1</sup>nh vi<sup>Ö</sup>c kh<sup>3</sup>/c ph<sup>Ö</sup>c kh<sup>h</sup> kh<sup>h</sup> n v<sup>Ö</sup> c<sup>1</sup> s<sup>Ö</sup> v<sup>Ö</sup>Et ch<sup>Ö</sup>Et, trang thi<sup>Ö</sup>t b<sup>Ö</sup>p d<sup>1</sup>y h<sup>Ö</sup>c, t<sup>Ö</sup>i lu<sup>Ö</sup>n quan t<sup>Ö</sup>m g<sup>Ö</sup>Cn g<sup>Ö</sup>i b<sup>Ö</sup>ai ð<sup>Ö</sup>ng t<sup>Ö</sup>t<sup>Ö</sup>ng, t<sup>Ö</sup>xnh c<sup>Ö</sup>¶m v<sup>Ö</sup>n s<sup>Ö</sup>ng cho h<sup>Ö</sup>c sinh, ®<sup>Ö</sup>ang th<sup>Ö</sup>i t<sup>Ö</sup> h<sup>Ö</sup>c h<sup>Ö</sup>ai, trau ð<sup>Ö</sup>ai ki<sup>Ö</sup>Ön th<sup>Ö</sup>Öc, tr<sup>Ö</sup>xnh ®<sup>Ö</sup>e chuy<sup>Ö</sup>a n m<sup>Ö</sup>n nghi<sup>Ö</sup>Öp v<sup>Ö</sup> s ph<sup>1</sup>m qua b<sup>1</sup>n b<sup>Ö</sup>i, ®<sup>Ö</sup>ang nghi<sup>Ö</sup>Öp, qua s<sup>Ö</sup>,ch b<sup>Ö</sup>,o t<sup>Ö</sup>xm t<sup>Ö</sup>bi ra nh<sup>Ö</sup>ng h<sup>Ö</sup>ng ®<sup>Ö</sup>i m<sup>Ö</sup>i ®<sup>Ö</sup>Ó gi<sup>Ö</sup>¶ng d<sup>1</sup>y t<sup>Ö</sup>t c<sup>Ö</sup>ng nh trong c<sup>Ö</sup>ng t<sup>Ö</sup>,c ch<sup>Ö</sup>n nhi<sup>Ö</sup>Öm.

### **III - Qu, tr<sup>Ö</sup>xnh nghi<sup>Ö</sup>a n c<sup>Ö</sup>u**

V<sup>Ö</sup>i nh<sup>Ö</sup>ng suy ngh<sup>Ö</sup>Ü v<sup>Ö</sup>m tr<sup>Ö</sup>n tr<sup>Ö</sup>e t<sup>Ö</sup>i m<sup>1</sup>nh d<sup>1</sup>n ,p ð<sup>Ö</sup>ng kinh nghi<sup>Ö</sup>Öm c<sup>Ö</sup>ña b<sup>Ö</sup>¶n th<sup>Ö</sup>Ön v<sup>Ö</sup>u gi<sup>Ö</sup>¶ng d<sup>1</sup>y m<sup>Ö</sup>n §<sup>1</sup>o ®<sup>Ö</sup>Öc.H<sup>Ö</sup>c sinh n<sup>3</sup>/4m ch<sup>3</sup>/c ®<sup>Ö</sup>ic ki<sup>Ö</sup>Ön th<sup>Ö</sup>Öc ®<sup>Ö</sup>. h<sup>Ö</sup>c, bi<sup>Ö</sup>Öt v<sup>Ö</sup>Ën ð<sup>Ö</sup>ng v<sup>Ö</sup>u th<sup>Ö</sup>Öc t<sup>Ö</sup>Ö cu<sup>Ö</sup>c s<sup>Ö</sup>ng. Trong khu<sup>Ö</sup>n kh<sup>Ö</sup>e h<sup>1</sup>n h<sup>Ö</sup>¶p c<sup>Ö</sup>ña b<sup>Ö</sup>ui vi<sup>Ö</sup>Öt n<sup>Ö</sup>y t<sup>Ö</sup>i xin ®<sup>Ö</sup>ic tr<sup>Ö</sup>xnh b<sup>Ö</sup>uy m<sup>Ö</sup>t s<sup>Ö</sup>e kinh nghi<sup>Ö</sup>Öm "**T<sup>Ö</sup>e ch<sup>Ö</sup>Öc tr<sup>Ö</sup>ß ch<sup>Ö</sup>-i h<sup>Ö</sup>c t<sup>Ö</sup>Ëp trong gi<sup>Ö</sup>e d<sup>1</sup>y §<sup>1</sup>o ®<sup>Ö</sup>Öc ð<sup>Ö</sup>e l<sup>Ö</sup>p 1**".C - GI I

## **QUY T V N**

### **I/ Nh<sup>Ö</sup>ng n<sup>Ö</sup>i dung ®<sup>Ö</sup> c<sup>Ö</sup>Ëp trong s<sup>Ö</sup>,ng ki<sup>Ö</sup>Ön kinh nghi<sup>Ö</sup>Öm**

Ch<sup>Ö</sup>ng ta ®<sup>Ö</sup>. bi<sup>Ö</sup>Öt k<sup>Ö</sup>Öt qu<sup>Ö</sup>¶ cu<sup>Ö</sup>i c<sup>Ö</sup>ng c<sup>Ö</sup>ña m<sup>Ö</sup>ç gi<sup>Ö</sup>e h<sup>Ö</sup>c ®<sup>1</sup>o ®<sup>Ö</sup>Öc l<sup>Ö</sup>y h<sup>Ö</sup>c sinh ph<sup>Ö</sup>¶i c<sup>Ö</sup> ®<sup>Ö</sup>ic nh<sup>Ö</sup>ng hi<sup>Ö</sup>Öu bi<sup>Ö</sup>Öt ban ®<sup>Ö</sup>Çu v<sup>Ö</sup> ð<sup>Ö</sup>e m<sup>Ö</sup>t s<sup>Ö</sup>e chu<sup>Ö</sup>Ën m<sup>Ö</sup>ùc h<sup>Ö</sup>nh vi ®<sup>1</sup>o ®<sup>Ö</sup>Öc ph<sup>Ö</sup>i h<sup>Ö</sup>ip v<sup>Ö</sup>i l<sup>Ö</sup>a tu<sup>Ö</sup>ai. T<sup>Ö</sup> ®<sup>Ö</sup>ã t<sup>Ö</sup>ng b<sup>Ö</sup>ic h<sup>Ö</sup>xnh th<sup>Ö</sup>nh cho h<sup>Ö</sup>c sinh k<sup>Ö</sup> n<sup>Ö</sup>ng nh<sup>Ö</sup>Ën x<sup>Ö</sup>Ðt, ®<sup>Ö</sup>,nh gi, ®<sup>Ö</sup>ei v<sup>Ö</sup>i quan ni<sup>Ö</sup>Öm h<sup>Ö</sup>nh vi vi<sup>Ö</sup>Öc l<sup>Ö</sup>m c<sup>Ö</sup>ña li<sup>Ö</sup>a n quan ®<sup>Ö</sup>Ön c<sup>Ö</sup>,c chu<sup>Ö</sup>Ën m<sup>Ö</sup>ùc ®<sup>1</sup>o ®<sup>Ö</sup>Öc ®<sup>Ö</sup>. h<sup>Ö</sup>c. B<sup>Ö</sup>ic ®<sup>Ö</sup>Çu h<sup>Ö</sup>xnh th<sup>Ö</sup>nh th<sup>Ö</sup>,i ®<sup>Ö</sup>e c<sup>Ö</sup> tr<sup>Ö</sup>,ch nhi<sup>Ö</sup>Öm v<sup>Ö</sup>i l<sup>Ö</sup>i n<sup>Ö</sup>ai, vi<sup>Ö</sup>Öc l<sup>Ö</sup>m c<sup>Ö</sup>ña b<sup>Ö</sup>¶n th<sup>Ö</sup>Ön, t<sup>Ö</sup> tin v<sup>Ö</sup>u b<sup>Ö</sup>¶n th<sup>Ö</sup>Ön. Trong c<sup>Ö</sup>,c gi<sup>Ö</sup>e ®<sup>1</sup>o ®<sup>Ö</sup>Öc ngo<sup>Ö</sup>m c<sup>Ö</sup>,c ph<sup>Ö</sup>ng ph<sup>Ö</sup>,p ®<sup>Ö</sup>Æc tr<sup>Ö</sup>ng c<sup>Ö</sup>ña m<sup>Ö</sup>n h<sup>Ö</sup>c nh ph<sup>Ö</sup>ng ph<sup>Ö</sup>,p ®<sup>Ö</sup>éng n<sup>Ö</sup>-o, th<sup>Ö</sup>¶o lu<sup>Ö</sup>Ën nh<sup>Ö</sup>m, ®<sup>Ö</sup>ang vai v<sup>Ö</sup>.v... t<sup>Ö</sup>i th<sup>Ö</sup>ng ch<sup>Ö</sup> tr<sup>Ö</sup>ng ®<sup>Ö</sup>Ön ph<sup>Ö</sup>ng ph<sup>Ö</sup>,p t<sup>Ö</sup>e ch<sup>Ö</sup>Öc tr<sup>Ö</sup>ß ch<sup>Ö</sup>-i h<sup>Ö</sup>c t<sup>Ö</sup>Ëp cho h<sup>Ö</sup>c sinh. M<sup>Ö</sup>Öc ®<sup>Ö</sup>Ých t<sup>Ö</sup>e ch<sup>Ö</sup>Öc tr<sup>Ö</sup>ß ch<sup>Ö</sup>-i c<sup>Ö</sup>ña th<sup>Ö</sup>Ó l<sup>Ö</sup>y kh<sup>Ö</sup>i ®<sup>Ö</sup>éng, gi<sup>Ö</sup>i thi<sup>Ö</sup>Öu b<sup>Ö</sup>ui; c<sup>Ö</sup>ña th<sup>Ö</sup>Ó l<sup>Ö</sup>y h<sup>Ö</sup>c sinh t<sup>Ö</sup>xm hi<sup>Ö</sup>Öu, ph<sup>Ö</sup>,t hi<sup>Ö</sup>Ön n<sup>Ö</sup>i dung b<sup>Ö</sup>ui h<sup>Ö</sup>c; c<sup>Ö</sup>ña th<sup>Ö</sup>Ó l<sup>Ö</sup>y ®<sup>Ö</sup>Ó r<sup>Ö</sup>Ën l<sup>Ö</sup>y l<sup>Ö</sup>u<sup>Ö</sup>Ön k<sup>Ö</sup> n<sup>Ö</sup>ng øng x<sup>Ö</sup> cho h<sup>Ö</sup>c sinh; c<sup>Ö</sup>ña th<sup>Ö</sup>Ó l<sup>Ö</sup>y kh<sup>3</sup>/c s<sup>Ö</sup>Öu, c<sup>Ö</sup>ng c<sup>Ö</sup>e ki<sup>Ö</sup>Ön th<sup>Ö</sup>Öc cho h<sup>Ö</sup>c sinh. Tuy nhi<sup>Ö</sup>a n ®<sup>Ö</sup>Ó vi<sup>Ö</sup>Öc t<sup>Ö</sup>e ch<sup>Ö</sup>Öc cho h<sup>Ö</sup>c sinh ch<sup>Ö</sup>-i ®<sup>Ö</sup>t hi<sup>Ö</sup>Öu qu<sup>Ö</sup>¶ gi<sup>Ö</sup>,o ð<sup>Ö</sup>Öc cao th<sup>Ö</sup>x kh<sup>Ö</sup>ng ph<sup>Ö</sup>¶i l<sup>Ö</sup>y vi<sup>Ö</sup>Öc l<sup>Ö</sup>m ð<sup>Ö</sup> th<sup>Ö</sup>Öc hi<sup>Ö</sup>Ön. ð<sup>Ö</sup> b<sup>Ö</sup>ui vi<sup>Ö</sup>Öt n<sup>Ö</sup>y t<sup>Ö</sup>i xin ®<sup>Ö</sup>ic ®<sup>Ö</sup> c<sup>Ö</sup>Ëp t<sup>Ö</sup>i ba v<sup>Ö</sup>Ën ®<sup>Ö</sup> c<sup>Ö</sup> b<sup>Ö</sup>¶n:

1) Ch<sup>Ö</sup>n ®<sup>Ö</sup>éng kh<sup>3</sup>/c ph<sup>Ö</sup>c kh<sup>h</sup> kh<sup>h</sup> n v<sup>Ö</sup> c<sup>1</sup> s<sup>Ö</sup> v<sup>Ö</sup>Et ch<sup>Ö</sup>Et, trang thi<sup>Ö</sup>t b<sup>Ö</sup>p d<sup>1</sup>y h<sup>Ö</sup>c.

2) Kh<sup>3</sup>/c ph<sup>Ö</sup>c nh<sup>Ö</sup>ng kh<sup>h</sup> kh<sup>h</sup> n t<sup>Ö</sup> ph<sup>Ö</sup>Ýa h<sup>Ö</sup>c sinh.

3) Kh<sup>3</sup>/c phóc nh÷ng khã kh'n tở phÝa gi<sub>o</sub> vi<sup>a</sup>n.

## II/ BiÖn ph<sub>p</sub> thùc hiÖn

### 1) Kh<sup>3</sup>/c phóc khã kh'n vÒ c<sup>-</sup> sê vËt chÊt, trang thiÖt bP d<sup>1</sup>y hãc.

§iÒu kiÖn vÒ c<sup>-</sup> sê vËt chÊt trang thiÖt bP d<sup>1</sup>y hãc lụ yÖu tè quan trãng, nã cũ t<sub>c</sub> ðông phô trı ③<sup>3</sup>/c lúc cho gi<sub>o</sub> vi<sup>a</sup>n khi tiÖn hụnh tã chøc trß ch<sup>-</sup>i hãc tËp m«n §<sup>1</sup>o ③øc. T«i nghÛ gi<sub>o</sub> vi<sup>a</sup>n ph¶i chñ ③éng, linh ho<sup>t</sup>, s<sub>ng</sub> t<sup>o</sup> khi tã chøc trß ch<sup>-</sup>i hãc tËp ③<sup>1</sup>o ③øc cho hãc sinh. ẽ nh÷ng trß ch<sup>-</sup>i cÇn ③iÒu kiÖn sÇn b<sup>-</sup>i réng, bụn ghÖ ③óngquy c<sub>ch</sub> ③Ó tã chøc cho hãc sinh c¶ líp cũng tham gia mét trß ch<sup>-</sup>i, th× ta cũ thÓ chia nhá tống tẽp hãc sinh hoÆc thay ③æi thụn trß ch<sup>-</sup>i kh<sub>c</sub> phĩ híp ví ③iÒu kiÖn vÒ c<sup>-</sup> sê vËt chÊt cũa líp, cũa trẽng mù vËn ③¶m b¶o ③ic néi dung gi<sub>o</sub> ðoc cho hãc sinh. VÝ ðo : Khi tã chøc cho hãc sinh trß ch<sup>-</sup>i “NĐm bãng” trong bụi: “**Em lụ hãc sinh líp 1**” ( §<sup>1</sup>o ③øc – líp 1). Gi<sub>o</sub> vi<sup>a</sup>n cũ thÓ lụm qu¶ bãng b»ng giÊy b<sub>o</sub> vo vi<sup>a</sup>n to b»ng 1/2 qu¶ bãng thẽng, b<sup>a</sup>n ngoµi bãc b»ng giÊy mùu cho ③Ñp. Hay ẽ trß ch<sup>-</sup>i “TÆng hoa” ; “ H<sub>i</sub> hoa ðÇn chñ” (Trß ch<sup>-</sup>i nuy ③ic <sub>p</sub> ðông ẽ rÊt nhiÒu bụi trong ch÷ng tr×nh ③<sup>1</sup>o ③øc). Gi<sub>o</sub> vi<sup>a</sup>n cũ thÓ ðĩng giÊy mùu c<sup>3</sup>/t thụn nh÷ng b«ng hoa nhiÒu mùu s<sup>3</sup>/c... Hụng nguy gi<sub>o</sub> vi<sup>a</sup>n, hãc sinh cũ thÓ su tÇm th<sup>a</sup>m tranh ¶nh s<sub>ch</sub> b<sub>o</sub> vÒ c<sub>c</sub> loµi cÇy, hoa, ngêi, ③éng vËt ... ③Ó cũ thÓ minh ho<sup>1</sup> cho trß ch<sup>-</sup>i th<sup>a</sup>m sinh ③éng hËp ðËn.

Tãm l<sup>i</sup> tuú tống ③iÒu kiÖn hụm c¶nh mù gi<sub>o</sub> vi<sup>a</sup>n cũ thÓ linh ho<sup>t</sup>, chñ ③éng s<sub>ng</sub> t<sup>o</sup> tã chøc trß ch<sup>-</sup>i cho hãc sinh sao cho ③<sup>t</sup> hiÖu qu¶, y<sup>a</sup>u cÇu cÇn gi<sub>o</sub> ðoc.

### 2) Gi¶i ph<sub>p</sub> kh<sup>3</sup>/c phóc nh÷ng vĩng m<sup>3</sup>/c tở phÝa hãc sinh.

Theo ph÷ng ph<sub>p</sub> d<sup>1</sup>y hãc mĩ, hãc sinh lụ ngêi chñ ③éng lÛnh héi kiÖn thøc ðua tr<sup>a</sup>n sù híng ðËn cũa gi<sub>o</sub> vi<sup>a</sup>n.

Tuy nhi<sup>a</sup>n trong khi tã chøc trß ch<sup>-</sup>i cho hãc sinh t«i thËy c<sub>c</sub> em cũn rÊt nhót nh<sub>t</sub>, thiÖu tù tin. §Ó kh<sup>3</sup>/c phóc h<sup>1</sup>n chÖ Êy, ngay tở khi nhËn líp ( ③Çu n<sup>1</sup>m hãc) t«i lụm c«ng t<sub>c</sub> ③iÒu tra c<sup>-</sup> b¶n, lËy th÷ng tin tống hụm c¶nh gia ③×nh, ③iÒu kiÖn sèng cũa tống hãc sinh, t×m hiÖu tÝnh c<sub>ch</sub>, c<sub>c</sub> tÝnh, tr×nh ③é n÷ng lúc, kh¶ n÷ng hiÖu biÖt cũa c<sub>c</sub> em,

sau đã ph©n lo¹i ®Ó c¸c c¸ch kh¸c nhau gióp ®ì h¸c sinh. Trong qu¸ tr×nh gi¶ng d¹y, t¸i c¸c gi¶ng d¹y t¸t t¸t c¸c m«n h¸c, th×nh li¸p t×nh s¸ch m×nh non c¸a l¸p (do h¸c sinh ®¸ng g¸p). Nh¸ v¸y c¸c em ®¸c ®¸c b¸ sung r¸t nhi¸u ki¸n thøc n¸ng d¸n tr×nh ®¸ hi¸u bi¸t v¸ m¸i m¸t. T¸i th¸ng xuy¸n g¸n g¸i tr¸ chuy¸n v¸i c¸c em v¸ ®¸c bi¸t quan t¸m ®¸n hai ®¸i t¸ng h¸c sinh. M¸t l¸ h¸c sinh c¸ t¸y nh¸ m¸nh, hai l¸ nh÷ng h¸c sinh c¸n e d¸ nh¸t nh¸t trong c¸c ho¸t ®¸ng. V¸i ®¸i t¸ng m¸t: B¸n c¸nh nh÷ng vi¸c n¸u l¸n nh÷ng ®¸i¸m t¸t c¸a h¸c sinh n¸y l¸ nhanh nh¸n, ho¸t b¸t, h¸ng h¸i trong c¸c ho¸t ®¸ng, th¸ gi¸o vi¸n ph¸i r¸n cho h¸c sinh th¸i quen ho¸t ®¸ng c¸ n¸ n¸p, tr¸t t¸. V¸i nh÷ng h¸c sinh c¸n nh¸t nh¸t, t¸i th¸ng xuy¸n quan t¸m, tr¸ chuy¸n gi¸ m¸, ®¸ng vi¸n kh¸ch l¸ h¸c sinh n¸i l¸n ý ki¸n c¸a b¸n th¸n.

Nh¸ v¸y, trong khi t¸e ch¸c tr¸ ch¸i h¸c t¸p, gi¸o vi¸n c¸n ph¸i ®¸ng vi¸n, khuy¸n kh¸ch t¸o ®¸i¸u ki¸n cho t¸t c¸c m¸i ®¸i t¸ng h¸c sinh ®¸u ®¸c tham gia. L¸ ch¸n tr¸ ch¸i, l¸ ch¸n c¸c y¸u c¸u ph¸i h¸p, v¸a s¸c v¸i t¸ng ®¸i t¸ng h¸c sinh sao cho sau tr¸ ch¸i m¸i h¸c sinh ®¸u ®¸c h¸c, ®¸u nh¸n ®¸c ¸ ®¸ nh÷ng ki¸n thøc, nh÷ng n¸i dung mang ý ngh¸ gi¸o d¸c.

### 3) Gi¶i ph¸p kh¸c ph¸c nh÷ng v¸ng m¸c t¸ ph¸y gi¸o vi¸n

M¸t trong nh÷ng nguy¸n nh¸n khi¸n gi¸o vi¸n ng¸i, l¸ng t¸ng kh¸ng mu¸n t¸e ch¸c tr¸ ch¸i trong gi¸ h¸c ®¸o ®¸c l¸ v¸: Tr×nh ®¸ chuy¸n m¸n nghi¸p v¸, v¸n hi¸u bi¸t c¸n h¸n ch¸, t¸m lý ng¸i ®¸i m¸i v¸ ph¸ng ph¸p gi¶ng d¹y. M¸t s¸ gi¸o vi¸n kh¸ng bi¸t t¸e ch¸c tr¸ ch¸i v¸o l¸c n¸o trong gi¸ h¸c, thi¸t k¸ tr¸ ch¸i ®¸m b¸o c¸c y¸u c¸u g¸ v¸ c¸ch th¸c t¸e ch¸c ra sao.

#### 3.1/ Kh¸ng ng¸ng n¸ng cao nh¸n th¸c, t¸ h¸c hái tr¸u d¸i ki¸n thøc v¸ tr×nh ®¸ chuy¸n m¸n nghi¸p v¸.

§Ó ®¸p ¸ng v¸i y¸u c¸u c¸a x¸ h¸i hi¸n nay, t¸i ngh¸ m¸i gi¸o vi¸n ch¸ng ta c¸n ph¸i c¸ nh¸n th¸c ®¸ng ®¸n v¸ vi¸c ®¸i m¸i ph¸ng ph¸p d¹y h¸c. Ch¸ng ta c¸n ph¸i nhanh ch¸ng ti¸p c¸n v¸i c¸c ph¸ng ph¸p hi¸n ®¸i, k¸t h¸p h¸i h¸p v¸i c¸c ph¸ng ph¸p truy¸n th¸ng ®¸ ®¸p d¸ng v¸o t¸ng n¸i dung b¸i gi¶ng cho ph¸i h¸p v¸i n¸i dung ch¸ng tr×nh ®¸ng ®¸c ®¸i m¸i v¸ th¸c t¸ hi¸n nay:

-Giáo viên phải tích cực hái trái cây cho bầy thỏ. Kiến thức của mỗi trẻ chỉ có được từ kiến thức tặng hộp từ nhà, xã hội, và thói quen

.....

**The using software is free version, you can upgrade it to the upgrade version.**<http://www.convert-pdf-word.com> trong chừng mực nào đó, phải biết suy nghĩ năng động, sáng tạo. Vì vậy có thể coi giải toán có lời văn là một trong những biểu hiện năng động nhất của hoạt động trí tuệ của học sinh.

Dạy học giải toán có lời văn ở tiểu học nhằm mục đích chủ yếu sau:

- Giúp học sinh luyện tập, củng cố, vận dụng các kiến thức và thao tác thực hành đã học, rèn luyện kỹ năng tính toán bước tập được vận dụng kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành vào thực tiễn.
- Giúp học sinh từng bước phát triển năng lực tư duy, rèn luyện phương pháp và kỹ năng suy luận, khơi gợi và tập được khả năng quan sát, phỏng đoán, tìm tòi.
- Rèn luyện cho học sinh những đặc tính và phong cách làm việc của người lao động, như: cẩn thận, chu đáo, cụ thể...

Ở học sinh lớp 5, kiến thức toán đối với các em không còn mới lạ, khả năng nhận thức của các em đã được hình thành và phát triển ở các lớp trước, tư duy đã bắt đầu có chiều hướng bền vững và đang ở giai đoạn phát triển. Vốn sống, vốn hiểu biết thực tế đã bước đầu có những hiểu biết nhất định. Tuy nhiên trình độ nhận thức của học sinh không đồng đều, yêu cầu đặt ra khi giải các bài toán có lời văn cao hơn những lớp trước, các em phải đọc nhiều, viết nhiều, bài làm phải trả lời chính xác với phép tính, với các yêu cầu của bài toán đưa ra, nên thường vướng mắc về vấn đề trình bày bài giải:

sai sót do viết không đúng chính tả hoặc viết thiếu, viết từ thừa. Một sai sót đáng kể khác là học sinh thường không chú ý phân tích theo các điều kiện của bài toán nên đã lựa chọn sai phép tính.

Với những lý do đó, trong học sinh tiểu học nói chung và học sinh lớp Năm nói riêng, việc học toán và giải toán có lời văn rất quan trọng và rất cần thiết. Để thực hiện tốt mục tiêu đó, giáo viên cần phải nghiên cứu, tìm biện pháp giảng dạy thích hợp, giúp các em giải bài toán một cách vững vàng, hiểu sâu được bản chất của vấn đề cần tìm, mặt khác giúp các em có phương pháp suy luận toán logic thông qua cách trình bày, lời giả đúng, ngắn gọn, sáng tạo trong cách thực hiện. Từ đó giúp các em hứng thú, say mê học toán. Từ những căn cứ đó tôi đã chọn đề tài "Một số biện pháp nâng cao chất lượng giải toán có lời văn cho học sinh lớp 5" để nghiên cứu, với mục đích là:

- Tìm hiểu nội dung, chương trình và những phương pháp dùng để giảng dạy toán có lời văn.
- Tìm hiểu những kỹ năng cơ bản cần trang bị để phục vụ việc giải toán có lời văn cho học sinh lớp Năm.
- Khảo sát và hướng dẫn giải cụ thể một số bài toán, một số dạng toán có lời văn ở lớp Năm, từ đó đúc rút kinh nghiệm, đề xuất một số ý kiến góp phần nâng cao chất lượng dạy học giải toán có lời văn.

## *Phần thứ hai*

### **NỘI DUNG**

#### **I. CƠ SỞ KHOA HỌC:**

##### **1/ Cơ sở lý luận:**

Giải toán là một thành phần quan trọng trong chương trình giảng dạy môn toán ở bậc tiểu học. Nội dung của việc giải toán gắn chặt một cách hữu cơ với nội dung của số học và số học tự nhiên, các số thập phân, các đại lượng cơ bản và các yếu tố đại số, hình học có trong chương trình.

Vì vậy, việc giải toán có lời văn có một vị trí quan trọng thể hiện ở các điểm sau:

a) Các khái niệm và các quy tắc về toán trong sách giáo khoa, nói chung đều được giảng dạy thông qua việc giải toán. Việc giải toán giúp học sinh củng cố, vận dụng các kiến thức, rèn luyện kỹ năng tính toán. Đồng thời qua việc giải toán của học sinh mà giáo viên có thể dễ dàng phát hiện ra những

ưu điểm hoặc thiếu sót của các em về kiến thức, kỹ năng và tư duy để giúp các em phát huy hoặc khắc phục.

b) Việc kết hợp học và hành, kết hợp giảng dạy với đời sống được thực hiện thông qua việc cho học sinh giải toán, các bài toán liên hệ với cuộc sống một cách thích hợp giúp học sinh hình thành và rèn luyện những kỹ năng thực hành cần thiết trong đời sống hàng ngày, giúp các em biết vận dụng những kỹ năng đó trong cuộc sống.

c) Việc giải toán góp phần quan trọng trong việc xây dựng cho học sinh những cơ sở ban đầu của lòng yêu nước, tinh thần quốc tế vô sản, thế giới quan duy vật biện chứng: việc giải toán với những đề tài thích hợp, có thể giới thiệu cho các em những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta và các nước anh em, trong công cuộc bảo vệ hòa bình của nhân dân thế giới, góp phần giáo dục các em bảo vệ môi trường, phát triển dân số có kế hoạch.... Việc giải toán có thể giúp các em thấy được nhiều khái niệm toán học. Ví dụ: các số, các phép tính, các đại lượng...đều có nguồn gốc trong cuộc sống hiện thực, trong thực tiễn hoạt động của con người, thấy được các mối quan hệ biện chứng giữa các dữ kiện, giữa cái đã cho và cái phải tìm...

d) Việc giải toán góp phần quan trọng vào việc rèn luyện cho học sinh năng lực tư duy và những đức tính tốt của người lao động mới. Khi giải một bài toán, tư duy của học sinh phải hoạt động một cách tích cực vì các em cần phân biệt cái gì đã cho và cái gì cần tìm, thiết lập các mối liên hệ giữa các dữ kiện của bài toán giữa cái đã cho và cái phải tìm. Suy luận, nêu lên những phán đoán, rút ra những kết luận, thực hiện phép tính cần thiết để giải quyết vấn đề đặt ra.... Hoạt động trí tuệ có trong việc giải toán góp phần giáo dục cho các em ý trí vượt khó khăn, đức tính cẩn thận, chu đáo, làm việc có hiệu quả, có kế hoạch, thói quen xem xét có căn cứ, có thói quen tự kiểm tra kết

quả công việc mình làm, có óc độc lập, suy nghĩ sáng tạo, tìm ra những lời giải mới, hay và ngắn gọn...

\* Nội dung chương trình Toán lớp 5:

1. Ôn tập về số tự nhiên.
2. Ôn tập về các phép tính số tự nhiên.
3. Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.
4. Phân số (ôn tập, bổ sung).
5. Các phép tính về phân số.
6. Số thập phân.
7. Các phép tính về số thập phân.
8. Hình học - chu vi, diện tích, thể tích của một hình.
9. Số đo thời gian - Toán chuyển động đều.

## **2/ Cơ sở thực tiễn:**

Toán có lời văn thực chất là những bài toán thực tế. Nội dung bài toán được thông qua những câu văn nói về những quan hệ, tương quan và phụ thuộc, có liên quan đến cuộc sống thường xảy ra hàng ngày. Cái khó của bài toán có lời văn là phải lược bỏ những yếu tố về lời văn đã che đậy bản chất toán học của bài toán, hay nói cách khác là chỉ ra mối quan hệ giữa các yếu tố toán học chứa đựng trong bài toán và nêu ra phép tính thích hợp để từ đó tìm được đáp số bài toán.

a) Đề bài của bài toán có lời văn bao giờ cũng có hai phần:

- Phần đã cho hay còn gọi là giả thiết của bài toán.
- Phần phải tìm hay còn gọi là kết luận của bài toán.

Ngoài ra, trong đề toán có nêu mối quan hệ giữa phần đã cho và phần phải tìm hay thực chất là các mối quan hệ tương quan phụ thuộc vào giả thiết và kết luận của bài toán.

b) Quy trình giải toán có lời văn thường thông qua các bước sau:



- Nghiên cứu kỹ đầu bài: Trước hết cần đọc cẩn thận đề toán, suy nghĩ về ý nghĩa bài toán, nội dung bài toán, đặc biệt là chú ý đến câu hỏi bài toán. Chớ vội tính toán khi chưa đọc kỹ đề toán.

- Thiết lập mối quan hệ giữa các số đã cho và diễn đạt nội dung bài toán bằng ngôn ngữ hoặc tóm tắt điều kiện bài toán, hoặc minh họa bằng sơ đồ hình vẽ.

- Lập kế hoạch giải toán: Học sinh phải suy nghĩ xem để trả lời câu hỏi của bài toán cần thực hiện phép tính gì? Suy nghĩ xem từ số đã cho và điều kiện của bài toán có thể biết gì? Có thể làm phép tính gì? Phép tính đó có thể giúp trả lời câu hỏi của bài toán không? Trên các cơ sở đó, suy nghĩ để thiết lập trình tự giải toán.

- Thực hiện phép tính theo trình tự kế hoạch đã thiết lập để tìm đáp số. Mỗi khi thực hiện phép tính cần kiểm tra xem đã tính đúng chưa? Phép tính được thực hiện có dựa trên cơ sở đúng đắn không?

Giải xong bài toán, khi cần thiết, cần thử lại xem đáp số tìm được có trả lời đúng câu hỏi của bài toán, có phù hợp với các điều kiện của bài toán không? Trong một số trường hợp, giáo viên nên khuyến khích học sinh tìm xem có cách giải khác gọn hơn không?

**Ví dụ 1:** Thùng to có 26 lít dầu, thùng bé có 18 lít dầu. Dầu được chứa vào các chai như nhau, mỗi chai có 0,8 lít. Hỏi có tất cả bao nhiêu chai dầu?

Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện bài toán trên bằng cách dùng phương pháp vấn đáp, kết hợp với minh họa bằng tóm tắt đề toán.

+ **Phân tích nội dung đề toán:** Giáo viên dùng hai câu hỏi: Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? Để học sinh thấy rõ nội dung:

- Thùng to có 26 lít dầu.
- Thùng bé có 18 lít dầu.
- Mỗi chai chứa 0,8 lít dầu.

- Hỏi có tất cả bao nhiêu chai dầu?

+ **Tóm tắt bài toán:** Theo những câu trả lời của học sinh, giáo viên hướng dẫn học sinh tóm tắt như sau:

Thùng to: 26 lít.

Thùng bé: 18 lít.

Có ..... chai dầu?

Tóm tắt trên chính là chỗ dựa cho học sinh tự tìm ra lời giải và phép tính tương ứng.

+ **Thiết lập trình tự giải:** Giáo viên đặt câu hỏi "Muốn biết có bao nhiêu chai dầu, ta làm như thế nào?" Học sinh trả lời: "Trước hết ta phải tìm tổng số lít dầu có ở hai thùng; sau đó mới tìm tổng số chai đựng dầu".

*Bài giải*

Tổng số lít dầu có ở hai thùng là:

$$26 + 18 = 44 \text{ (lít)}$$

Số chai đựng dầu là:

$$44 : 0,8 = 55 \text{ (chai)}$$

Đáp số: 55 chai

## **II. CÁC PHƯƠNG PHÁP DÙNG ĐỂ DẠY GIẢI BÀI TOÁN CÓ LỜI**

### **VĂN:**

#### **1/ Phương pháp trực quan:**

Nhận thức của trẻ từ 6 đến 11 tuổi còn mang tính cụ thể, gắn với các hình ảnh và hiện tượng cụ thể, trong khi đó kiên thức của môn toán lại có tính trừu tượng và khái quát cao. Sử dụng phương pháp này giúp học sinh có chỗ dựa cho hoạt động tư duy, bổ xung vốn hiểu biết, phát triển tư duy trừu tượng và vốn hiểu biết. Đối với học sinh lớp 5, việc sử dụng đồ dùng trực quan ít hơn các lớp trước và bớt dần đi việc dùng đồ vật thật. Ví dụ: Khi dạy giải toán ở lớp năm, giáo viên có thể cho học sinh qua sát mô hình hoặc hình

vẽ, sau đó lập tóm tắt đề bài rồi mới đến bước chọn phép tính.

### **2/ Phương pháp gợi mở - vấn đáp:**

Đây là phương pháp rất cần thiết và thích hợp với học sinh tiểu học, rèn cho học sinh cách suy nghĩ, cách diễn đạt bằng lời, tạo niềm tin và khả năng học tập của từng học sinh. Để sử dụng tốt phương pháp này, giáo viên cần lựa chọn hệ thống câu hỏi chính xác và rõ ràng, nhờ thế học sinh có thể nắm được bài học ngay từ đầu và giúp các em trả lời được dễ dàng hơn.

### **3/ Phương pháp thực hành luyện tập:**

Sử dụng phương pháp này để thực hành luyện tập kiến thức, kỹ năng giải toán từ đơn giản đến phức tạp (chủ yếu ở các tiết luyện tập). Trong quá trình học sinh luyện tập, giáo viên có thể phối hợp các phương pháp như: gợi mở, vấn đáp và giảng giải minh họa.

### **4/ Phương pháp sơ đồ đoạn thẳng:**

Giáo viên sử dụng sơ đồ đoạn thẳng để biểu diễn các đại lượng đã cho trong bài và mối liên hệ phụ thuộc giữa các đại lượng đó. Giáo viên phải chọn độ dài đoạn thẳng một cách thích hợp để học sinh dễ dàng quan sát và thấy được mối liên hệ phụ thuộc giữa các đại lượng tạo ra hình ảnh cụ thể để giúp học sinh suy nghĩ, tìm tòi giải toán.

### **5/ Phương pháp giảng giải - minh họa:**

Khi cần giảng giải - minh họa, giáo viên cần nói gọn, rõ và kết hợp với gợi mở - vấn đáp. Giáo viên nên phối hợp giảng giải với hoạt động thực hành của học sinh ( ví dụ: Bằng hình vẽ, mô hình, vật thật....) để học sinh phối hợp nghe, nhìn và làm. Nên hạn chế sử dụng phương pháp này vì sẽ làm hạn chế khả năng tư duy lô gic và suy nghĩ sáng tạo của học sinh.

## **III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢI CÁC BÀI TOÁN CÓ LỜI VẤN Ở LỚP 5:**

Muốn phân tích được tình huống, lựa chọn phép tính thích hợp, các em

cần nhận thức được: cái gì đã cho, cái gì cần tìm, mối quan hệ giữa cái đã cho và cái phải tìm. Trong bước đầu giải toán, việc nhận thức và việc lựa chọn phép tính với các em là một việc khó. Để giúp các em khắc phục khó khăn này, cần dựa vào các hoạt động cụ thể của các em với vật thật, với mô hình, dựa vào hình vẽ, các sơ đồ toán học...nhằm làm cho các em hiểu khái niệm "gấp" với phép nhân, khái niệm "một phần..." với phép chia" trong tương quan giữa các mối quan hệ với bài toán.

Trong một bài toán, câu hỏi có một chức năng quan trọng vì việc lựa chọn phép tính thích hợp được quy định không chỉ bởi các dữ kiện mà còn bởi các câu hỏi. Với cùng các dữ kiện như nhau có thể đặt các câu hỏi khác nhau, do đó việc lựa chọn phép tính cũng khác nhau. Việc thấu hiểu câu hỏi của bài toán là điều kiện căn bản để giải đúng bài toán đó. Những trẻ em trong giai đoạn đầu khi mới giải toán chưa nhận thức được đầy đủ chức năng của câu hỏi trong bài toán. Để rèn luyện cho các em suy luận đúng, cần giúp các em nhận thức được chức năng quan trọng của câu hỏi trong bài toán. Câu hỏi của bài toán, đôi khi nêu cho các em bài toán vui không giải được. Chẳng hạn: "Trên cành cây có 10 con chim. Người thợ săn bắn rơi 2 con chim. Hỏi trong lồng còn mấy con chim?" Có em sẽ nhầm và trả lời là 8 con chim. Lúc đó giáo viên sẽ giải thích để học sinh nhận ra cái sai trong câu hỏi của bài toán.

Đối với toán có lời văn ở lớp 5, chủ yếu là các bài toán hợp, giải các bài toán hợp cũng có nghĩa là giải quyết các bài toán đơn. Mặt khác các dạng toán đều đã được học ở các lớp trước, bao gồm 2 nhóm chính như sau:

a) Nhóm 1: Các bài toán hợp mà quá trình giải không theo một phương pháp thống nhất cho các bài toán đó.

b) Nhóm 2: Các bài toán điển hình là các bài toán mà trong quá trình giải có phương pháp riêng cho từng dạng bài toán. Trong chương trình toán

5 có những dạng toán điển hình sau:

- Tìm số trung bình cộng.
- Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.
- Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.
- Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.
- Bài toán liên quan đến đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch.

Người giáo viên phải nắm vững các dạng toán để khi hướng dẫn học sinh giải toán sẽ tổ chức cho học sinh trước hết dạng toán để có cách giải phù hợp.

Giải toán là một hoạt động trí tuệ khó khăn, phức tạp. Hình thành kỹ năng giải toán khó hơn nhiều so với hình thành kỹ năng tính. Vì bài toán là sự kết hợp đa dạng nhiều khái niệm, quan hệ toán học. Giải toán không chỉ là nhớ mẫu để rồi áp dụng, mà đòi hỏi phải nắm chắc khái niệm, quan hệ toán học, nắm chắc ý nghĩa của phép tính, đòi hỏi khả năng suy nghĩ độc lập của học sinh, đòi hỏi phải biết tính đúng.

Các bước để giải một bài toán có lời văn ở tiểu học nói chung và lớp 5 nói riêng đã được đề cập ở một số sách về phương pháp giải toán ở bậc tiểu học. Ở đây tôi rút ra một số kinh nghiệm hướng dẫn: phần dạy toán có lời văn ở lớp 5.

Ở lớp 5, việc học phân số, học số thập phân, học về các đơn vị đo đại lượng... Cũng được kết hợp học các phép tính, học giải toán được kết hợp một cách hữu cơ để có tác dụng hỗ trợ lẫn nhau. Việc dạy cho học sinh nắm được các phương pháp chung để giải toán được chú trọng ngay từ khi các em giải bài toán đầu tiên ở bậc tiểu học và sau này vẫn được thường xuyên quan tâm. Các em luôn được rèn luyện trong việc tìm hiểu đề toán, trong việc phân tích cái gì đã cho, cái gì phải tìm trong việc suy nghĩ tìm ra cách giải và trong việc thực hiện cách giải. Đặc biệt các em thường xuyên sử dụng việc

tóm tắt bằng sơ đồ, hình vẽ.

Sau đây là một số ví dụ về các dạng toán có lời văn ở lớp 5:

**Ví dụ 1:** Bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận:

Một ô tô cứ đi 100 km thì hết 12,5 lít xăng. Hỏi ô tô đi quãng đường dài 120 km thì cần bao nhiêu lít xăng?

*Bài giải*

Số lít xăng ô tô cần có để đi 1 km là:

$$12,5 : 100 = 0,125 \text{ (l)}$$

Số lít xăng ô tô cần có để đi quãng đường 60 km là:

$$0,125 \times 120 = 15 \text{ (l)}$$

Đáp số: 15 lít.

**Ví dụ 2:** Toán chuyển động đều:

Một người đi hết quãng đường dài 11,52 km với vận tốc 4,5 km / giờ.  
Hỏi người đó đã đi hết bao nhiêu giờ và bao nhiêu phút?

*Bài giải*

Thời gian ô tô đi hết quãng đường là:

$$11,52 : 4,5 = 2,5 \text{ (giờ)}$$

$$= 2 \text{ giờ } 30 \text{ phút.}$$

Đáp số : 2 giờ 30 phút.

**Ví dụ 3:** Bài toán về tỉ lệ nghịch:

Một đơn vị bộ đội có 45 người đã chuẩn bị gạo đủ ăn trong 15 ngày.  
Nhưng sau 5 ngày đơn vị đó tiếp nhận thêm 5 người nữa. Hãy tính xem số gạo còn lại đủ cho đơn vị ăn trong bao nhiêu ngày nữa, biết rằng các suất ăn đều như nhau.

*Bài giải*

Số gạo còn lại đủ cho 45 người ăn trong số ngày là:

$$15 - 5 = 10 \text{ (ngày)}$$

Số người của đơn vị sau khi tăng là:

$$45 + 5 = 50 \text{ (người)}$$

Vì số gạo còn lại đủ cho 45 người ăn trong 10 ngày, nên nếu 1 người ăn số gạo đó thì sẽ đủ trong số ngày là:

$$10 \times 45 = 450 \text{ (ngày)}$$

Vậy 50 người ăn số gạo còn lại trong số ngày là:

$$450 : 50 = 9 \text{ (ngày)}$$

Đáp số: 9 ngày

**Ví dụ 4:** Bài toán về nhân số thập phân với số thập phân:

Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 27,18 m, chiều rộng 9,4 m.

Tính chu vi và diện tích khu vườn đó.

Tóm tắt:

Chiều dài: 27,18 m

Chiều rộng: 9,4 m

Chu vi: ? m; Diện tích: ?m

*Bài giải*

Chu vi của vườn cây hình chữ nhật là:

$$(27,18 + 9,4) \times 2 = 72,96 \text{ (m)}$$

Diện tích khu vườn hình chữ nhật là:

$$27,18 \times 9,4 = 255,492 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 1) 72,96 m

2) 255,492 m<sup>2</sup>

**Ví dụ 5:** bài toán về tỉ số phần trăm:

Ngày thường mua 5 quả bóng bay hết 10 000 đồng. Cũng với số tiền đó trong ngày lễ chỉ mua được 4 quả bóng như thế. Hỏi so với ngày thường thì giá bóng trong ngày lễ tăng hay giảm bao nhiêu phần trăm?

*Bài giải*

Giá tiền một quả bóng bay ngày thường là:

$$10000 : 5 = 2000 \text{ (đồng)}$$

Giá tiền một quả bóng bay đó trong ngày lễ là:

$$10000 : 4 = 2500 \text{ (đồng)}$$

Tỉ số phần trăm của giá bóng bay trong ngày lễ so với ngày thường là:

$$2500 : 200 = 1,25$$

$$1,25 = 125\%$$

Coi giá bóng trong ngày thường là 100% thì giá bóng trong ngày lễ hơn ngày thường là:

$$125\% - 100\% = 25\%$$

Đáp số : 25%

Đối với các bài toán có lời văn như trên, giáo viên nên khuyến khích học sinh tự nêu ra các giả thiết đã biết, cái cần phải tìm, cách tóm tắt bài toán và tìm đường lối giải. Các phép tính giải chỉ là khâu thứ yếu mang tính kỹ thuật.

Một số bài nâng cao dành cho học sinh khá giỏi:

Đối với những đối tượng học sinh đã giải được và giải thành thạo các bài toán đơn cơ bản, thì việc đưa ra hệ thống bài tập nâng cao là rất quan trọng và cần thiết để cho học sinh có điều kiện phát huy năng lực trí tuệ của mình, vượt xa khỏi tư duy cụ thể mang tính chất ghi nhớ và áp dụng một cách máy móc trong công thức. Qua đó phát triển trí thông minh cho học sinh.

Dưới đây là một số dạng bài nâng cao mà tôi đã thực hiện trong các tiết dạy để nâng cao tính hiểu biết, đồng thời bồi dưỡng học sinh giỏi

### **Ví dụ 1:**

Nếu Kiên và Hiền cùng làm một công việc thì hoàn thành công việc trong 10 ngày. Sau 7 ngày cùng làm thì Kiên nghỉ việc, còn Hiền phải làm



nốt phần việc còn lại trong 9 ngày nữa. Hãy tính xem nếu mỗi người làm riêng thì sau bao nhiêu ngày sẽ hoàn thành công việc đó?

*Bài giải*

**Cách 1:**

Kiên và Hiền cùng làm trong 1 ngày được  $\frac{1}{10}$  công việc.

Kiên và Hiền cùng làm sau 7 ngày được:

$$\frac{1}{7} \times 7 = \frac{7}{10} \text{ (công việc)}$$

Phần việc còn lại do Hiền làm là:

$$1 - \frac{7}{10} = \frac{3}{10} \text{ (công việc)}$$

Mỗi ngày Hiền làm được là:

$$\frac{3}{10} : 9 = \frac{1}{30} \text{ (công việc)}$$

Số ngày Hiền làm một mình để xong công việc là:

$$1 : \frac{1}{30} = 30 \text{ (ngày)}$$

Mỗi ngày Kiên làm được là:

$$\frac{1}{10} - \frac{1}{30} = \frac{1}{15} \text{ (công việc)}$$

Số ngày Kiên làm một mình hết công việc là:

$$1 : \frac{1}{15} = 15 \text{ (ngày)}$$

Đáp số: Hiền: 30 ngày

Kiên: 15 ngày

**Cách 2:**

Coi công việc là 10 phần bằng nhau thì Kiên và Hiền cùng làm được 7 phần, nên còn lại 3 phần đó ( $10 - 7 = 3$ ) là do Hiền làm tiếp trong 9 ngày

nữa.

3 phần làm 9 ngày.

1 phần làm trong:  $9 : 3 = 3$  (ngày)

10 phần làm trong:  $3 \times 10 = 30$  (ngày)

Vậy Hiền làm riêng thì sau 30 ngày sẽ xong công việc.

Giải sử Hiền chỉ làm tiếp 3 ngày nữa thì mới thực hiện thêm 1 phần việc, còn 2 phần việc lẽ ra Kiên phải làm trong 3 ngày. Như thế Kiên làm nhanh gấp đôi Hiền. Vì vậy số ngày Kiên làm riêng để xong công việc là:

$$30 : 2 = 15 \text{ (ngày)}$$

Đáp số: Hiền: 30 ngày

Kiên: 15 ngày

### **Ví dụ 2:**

Có một số lít dầu và một số can. Nếu mỗi can chứa 5 lít dầu thì còn thừa 5 lít. Nếu mỗi can chứa 6 lít dầu thì có 1 can không chứa dầu. Hỏi có bao nhiêu can, bao nhiêu lít dầu?

Bài giải

Nếu mỗi can chứa 5l dầu thì còn thừa 5l. Nếu mỗi can chứa 6l dầu thì có một can không chứa dầu, nghĩa là nếu thêm 6l dầu nữa thì không còn thừa một can nào cả. Do đó số dầu để chứa đủ mỗi can 6l sẽ nhiều hơn số dầu để chứa mỗi can 5l là:

$$5 + 6 = 11 \text{ (l)}$$

6l dầu nhiều hơn 5l dầu là:

$$6 - 1 = 5 \text{ (l)}$$

Số can có là:

$$11 : 1 = 11 \text{ (can)}$$

Có 11 can, mỗi can chứa 5l, còn thừa 5l thì số dầu có là:

$$5 \times 11 + 5 = 60 \text{ (l)}$$

Đáp số: 11 can

60 lít dầu

**Ví dụ 3:**

Lớp 5A tham gia học may, ngày thứ nhất có  $\frac{1}{6}$  số học sinh của lớp và 2 em, ngày thứ hai có  $\frac{1}{4}$  số học sinh còn lại và 1 em tham gia, ngày thứ ba có  $\frac{2}{5}$  số học sinh còn lại sau 2 ngày và 3 em, ngày thứ tư có  $\frac{1}{3}$  số còn lại và 1 em tham gia. Cuối cùng còn lại 5 em chưa tham gia. Hỏi lớp 5A có bao nhiêu học sinh?

Số học sinh :

Ngày 1 :

Ngày 2 :

Ngày 3 :

Ngày 4 :

Số học sinh còn lại sau khi tham gia ngày thứ 3 là:

$$(5 + 1) : 2 \times 3 = 9 \text{ (em)}$$

Số học sinh còn lại sau ngày thứ 2 là:

$$(9 + 3) : 3 \times 5 = 20 \text{ (em)}$$

Số học sinh còn lại sau ngày thứ nhất là:

$$(20 + 1) : 3 \times 4 = 28 \text{ (em)}$$

Số học sinh lớp 5A là:

$$(28 + 2) : 5 + 6 = 36 \text{ (em)}$$

Đáp số: 36 em

**V. Kết quả nghiên cứu:**

Qua một thời gian nghiên cứu đề ra một số biện pháp giải toán có lời văn ở lớp 5, tôi đã mạnh dạn tổ chức thực hiện chuyên đề toán, về phương pháp, về cách giải toán có lời văn cho học sinh lớp 5 được nâng cao và đạt hiệu quả cao. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

| Thời gian kiểm tra | Tổng số học sinh | Kết quả |       |     |       |    |       |     |   |
|--------------------|------------------|---------|-------|-----|-------|----|-------|-----|---|
|                    |                  | Giỏi    |       | Khá |       | TB |       | Yếu |   |
|                    |                  | SL      | %     | SL  | %     | SL | %     | SL  | % |
| Giữa kỳ I          | 31               | 6       | 19,35 | 14  | 45,16 | 11 | 35,39 | 0   |   |
| Cuối kỳ I          | 31               | 7       | 22,58 | 14  | 45,16 | 10 | 32,26 | 0   |   |
| Cuối năm           | 31               | 8       | 25,8  | 15  | 48,39 | 8  | 25,81 | 0   |   |

Từ những kết quả đạt được nêu trên, tôi thấy dạy giải toán có lời văn ở lớp 5 không những chỉ giúp cho học sinh củng cố, vận dụng các kiến thức đã học, mà còn giúp các em phát triển tư duy, sáng tạo trong học toán và biết vận dụng thực hành vào thực tiễn trong cuộc sống.

## *Phần thứ ba*

### **KẾT LUẬN - ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **I. KẾT LUẬN:**

Hướng dẫn và giúp học sinh giải toán có lời văn nhằm giúp các em phát triển tư duy trí tuệ, tư duy phân tích và tổng hợp, khái quát hóa, trừu tượng hóa, rèn luyện tốt phương pháp suy luận logic. Bên cạnh đó đây là dạng toán rất gần gũi với đời sống thực tế.

Do vậy, việc giảng dạy toán có lời văn một cách hiệu quả giúp các em trở thành những con người linh hoạt, sáng tạo, làm chủ trong mọi lĩnh vực và trong cuộc sống thực tế hàng ngày.

Những kết quả mà chúng tôi đã thu được trong quá trình nghiên cứu không phải là cái mới so với kiến thức chung về môn toán ở bậc tiểu học, song lại là cái mới đối với bản thân tôi. Trong quá trình nghiên cứu, tôi đã phát hiện và rút ra nhiều điều lý thú về nội dung và phương pháp dạy học giải toán có lời văn ở bậc tiểu học. Tôi tự cảm thấy mình được bồi dưỡng thêm lòng kiên trì, nhẫn nại, sự ham muốn, say xưa với nghiên cứu. Tuy nhiên đề tài này của tôi là giai đoạn đầu nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học nên không tránh khỏi những khiếm khuyết. Tôi mong muốn nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo, của các bạn đồng nghiệp và những ai

quan tâm đến vấn đề giải toán có lời văn cho học sinh ở bậc tiểu học nói chung, giải Toán có lời văn ở lớp 5 nói riêng.

## **II. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT:**

Qua thực tế giảng dạy môn toán ở Trường tiểu học nói chung và lớp 5 nói riêng, tôi thấy người giáo viên phải luôn luôn tìm tòi học hỏi, trau dồi kinh nghiệm để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

Từ những kinh nghiệm thực tế trong những năm giảng dạy, để giúp học sinh thích học và giải toán có lời văn, tôi kiến nghị với các nhà soạn sách giáo khoa hãy lựa chọn, sắp xếp hệ thống các bài tập từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp để các em có thể vận dụng tốt các kiến thức đã học.

Đối với giáo viên, ở mỗi dạng toán cần hướng dẫn học sinh nhận dạng bằng nhiều cách: đọc, nghiên cứu đề, phân tích bằng nhiều phương pháp (Mô hình, sơ đồ đoạn thẳng, suy luận ...) để học sinh dễ hiểu, dễ nắm bài hơn. Không dừng lại ở kết quả ban đầu (giải đúng bài toán) mà nên có yêu cầu cao hơn đối với học sinh.

Ví dụ: Như yêu cầu học sinh ra một đề toán tương tự hoặc tìm nhiều lời giải khác nhau ....

Giáo viên phải luôn đổi mới phương pháp dạy bằng nhiều hình thức như: trò chơi, đố vui ... phù hợp với đối tượng học sinh của mình: "*Lấy học sinh để hướng vào hoạt động học, người thầy là người hướng dẫn, tổ chức, trò nhận thức chủ động trong việc giải toán.*"

Trong giảng dạy, giáo viên cần chú ý phát triển tư duy, khả năng phân tích, tổng hợp, khả năng suy luận logic, giúp các em nắm chắc kiến thức cụ thể. Với bài toán có lời văn, đó là cách giải và trình bày lời giải, sử dụng tốt tất cả các phương pháp đã nêu ở trên.

Không dừng lại ở kết quả ban đầu (giải đúng bài toán) mà nên có yêu cầu cao hơn với học sinh. Ví dụ: yêu cầu một học sinh ra một đề toán tương tự

hoặc tìm nhiều lời giải khác nhau...

Trong khi giải phải yêu cầu học sinh đặt câu hỏi: "Làm phép tính đó để làm gì?", từ đó có hướng giải đúng, chính xác.

Sau mỗi bài toán, học sinh phải biết xem xét lại kết quả của mình làm để giúp các em tự tin hơn khi giải quyết một vấn đề nào đó.

Qua cách dạy đã nêu trên đây, so với các lớp học theo chỉ dẫn của sách giáo khoa và sách giáo viên, tôi nhận thấy học sinh dễ hiểu bài hơn, dễ áp dụng hơn. Qua kết quả học tập của học sinh lớp tôi, các đồng nghiệp trong khối cũng nhận thấy cách hướng dẫn trên hay và có hiệu quả.

Hà Nội, tháng 3 năm 2011

**Người thực hiện**

**Nguyễn Thị Nhu**